TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 608/2024/HS-ST
Ngày 12 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Phi Hổ

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh, Thư ký TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Hoàng Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 625/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 599/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Huy H, sinh năm 2002 tại Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú: Thôn 15, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: 267, tổ 4, khu phố 11, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 và bà Trần Thị N, sinh năm 1983. Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Bị hại*: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1980 (đã chết).
Địa chỉ: Đội 5, thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Hưng Yên.

- *Đại diện hợp pháp của bị hại*:

+ Bà Phan Thị T, sinh năm 1956 (mẹ bị hại)

+ Bà Phan Thị T1, sinh năm 1982 (vợ bị hại).

+ Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1999(con bị hại).

+ Bà Phạm Thị H, sinh năm 2001 (con bị hại).

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà T1, bà T2, bà H: Ông Đỗ Văn T4, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 9/44 Nguyễn Thiện Thuật, phường L, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải dịch vụ thương mại H.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải dịch vụ thương mại H*: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 44/4Z, ấp Đông, xã M, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện C, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Huy H có chứng chỉ đào tạo vận hành xe nâng, ký hợp động lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải dịch vụ thương mại H (Sau đây gọi là Công ty H) có địa chỉ trụ sở chính: 290/3, đường C, phường 13, quận B, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 02/01/2023. H được Công ty H phân công làm việc tại khu vực tỉnh Đồng Nai, địa chỉ đường số 6, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa với công việc bốc xếp, thực hiện theo sự quản lý điều hành của bà Phạm Thị N, sinh năm 1982 là Quản lý kho của Công ty H tại tỉnh Đồng Nai.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 07/11/2023, H đang làm việc tại Công ty H ở đường số 6, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa thì ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện C, tỉnh Hưng Yên là nhân viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải Đ (sau đây gọi là Công ty Đ) địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Hưng Yên, điều khiển xe ô tô tải biển số 89H-011.50 cùng phụ xe là anh Phạm Văn T, sinh năm 1980, cư trú tại Đội 5, xã K, huyện C, tỉnh Hưng Yên đến Công ty H nhờ H điều khiển xe nâng sắp xếp lại hàng trên xe ô tô tải. Khi được ông K nhờ sắp xếp hàng, H gọi điện thoại cho bà N xin sử dụng xe nâng hiệu Mitsubishi Caterpillar của Công ty H để nâng hàng cho ông K nhưng chưa được bà N đồng ý. Tiếp đó, H tự ý

điều khiển xe nâng và ông K đứng trên thùng xe tải ô tô tải biển số 89H-011.50 để điều chỉnh. H dùng xe nâng để nâng 01 kiện hàng khối lượng 240kg, lên thùng xe ô tô tải biển số 89H-011.50 thì bị vướng nên H điều khiển xe nâng đưa kiện hàng ra ngoài để điều chỉnh. Khi H đang điều khiển xe nâng điều chỉnh kiện hàng thì anh T đứng gần khu vực xe nâng, H yêu cầu anh T đi khỏi khu vực xe nâng, anh T chưa rời khỏi khu vực không an toàn, nhưng H vẫn tiếp tục điều khiển xe nâng hàng. Anh T đi bên trái rồi sang bên phải xe nâng và đứng cách xe nâng khoảng 01m để chỉ dẫn việc nâng hàng, thì xe nâng do H điều khiển nâng đưa kiện hàng ra khỏi thùng xe tải để điều chỉnh, lúc này kiện hàng bị nghiêng về phía bên phải xe nâng đổ đè vào người anh T. H và ông K đưa anh T đến Bệnh viện đa khoa Đồng Nai để cấp cứu nhưng anh T đã tử vong.

Vụ việc sau đó được Đồn Công an khu công nghiệp Biên Hòa tiếp nhận nguồn tin báo và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thụ lý giải quyết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận tội như Cáo trạng mô tả.

Về vật chứng: 01 xe nâng hiệu Mitsubishi Caterpillar, không có giấy tờ, không rõ nguồn gốc, là tài sản của Công ty H do bị cáo H tự ý điều khiển và để thùng hàng đổ đè làm anh Phạm Văn T tử vong.

* Tại bản Kết luận giám định tử thi số 2490/KL- KTHS ngày 15/12/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận nguyên nhân tử vong của anh Phạm Văn T như sau:

“1. Các kết quả chính: Bên ngoài xây sát bầm tím da vùng mặt, gãy xương sống mũi, gãy xương gò má, gãy xương hàm; xây sát da vùng hạ sườn phải, bỏng rộp da vùng nách và bả vai; xây sát da vùng chân, gãy kín xương đùi phải. Bên trong thấy tụ máu dưới da đầu, vỡ lún xương hộp sọ rách màng não cứng tổ chức não lòi ra, vỡ xương nền sọ trước.

2. Nguyên nhân tử vong: Chấn thương sọ não và vùng mặt nặng vỡ xương hộp sọ và nền sọ, dập não; gãy xương sống mũi, xương gò má, xương hàm/ gãy kín xương đùi.

3. Dấu vết, cơ chế hình thành thương tích: nạn nhân bị vật nặng rơi lực trực tiếp vào vùng đầu – mặt gây xây sát bầm tím da vùng mặt, vỡ xương hộp sọ và nền sọ, dập não, gãy xương vùng mặt. Vùng đùi do vật nặng đè lên làm gãy kín xương đùi”.

Tại Cáo trạng số 599/CT-VKSBH ngày 14/10/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Huy H về tội “Vô ý làm chết người”, được quy định tại khoản 1 Điều 128 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Huy H về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 128, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huy H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội "Vô ý làm chết người".

Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 xe nâng hiệu Mitsubishi Caterpillar cho Công ty H do không liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện của Công ty Đ, Công ty H hỗ trợ bị cáo bồi thường cho gia đình anh Phạm Văn T số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Đại diện gia đình anh T đã nhận đủ số tiền trên và có đơn bãi nại cho bị cáo, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Tại phiên toà, bị cáo đồng ý với bản cáo trạng và truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định tử thi và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định: Vào khoảng 08 gờ 30 phút ngày 07/11/2023, tại kho của Công ty H đường số 6, Khu công nghiệp 1, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Nguyễn Huy H tự ý điều khiển xe nâng hiệu Mitsubishi Caterpillar của Công ty H để giúp ông Nguyễn Văn K sắp xếp hàng hóa trên xe ô tô tải biển số 89H-011.50. Khi bị cáo đang điều khiển xe nâng điều chỉnh kiện hàng khối lượng 240kg, thì anh Phạm Văn T đứng gần chỗ xe nâng, bị cáo yêu cầu anh T đi khỏi khu vực xe nâng, anh T chưa đi nhưng bị cáo vẫn tiếp tục điều khiển xe nâng hàng. Khi anh T đi bên trái sang bên phải xe nâng và đứng cách xe nâng khoảng 01m để chỉ dẫn việc nâng hàng, lúc này kiện hàng trên xe nâng do bị cáo điều khiển bị nghiêng về phía bên phải xe nâng đổ xuống đè vào người anh T dẫn đến anh T bị tử vong.

Xét thấy, hành vi của bị cáo như đã nêu trên, đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Vô ý làm chết người", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 128 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ những căn cứ trên, xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp

luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bị cáo phải nhận thức được việc điều khiển xe nâng điều chỉnh kiện hàng khối lượng 240kg trong khi anh Phạm Văn T chưa đi khỏi khu vực nâng hàng nguy hiểm, nhưng bị cáo quá tự tin và chủ quan vào việc làm của mình mà không thấy trước được hậu quả xảy ra dẫn đến hậu quả anh T tử vong do khối hàng rơi đè vào người. Do vậy bị cáo đã vô ý thực hiện hành vi phạm tội trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, quyền sống của người khác được pháp luật bảo vệ.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Đại diện Công ty H, Công ty Đ hỗ trợ bị cáo bồi thường cho gia đình anh Phạm Văn T số tiền 350.000.000đ, được đại diện của bị hại làm đơn bãi nại, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính trong gia đình được địa phương xác nhận nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, phạm tội do lỗi vô ý, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước thể hiện bị cáo có khả năng tự cải tạo không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục để bị cáo tự cải tạo sửa chữa cũng đủ răn đe và giáo dục phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo do địa phương cấp, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian thi hành án.

[4] Về vật chứng vụ án: Công ty H không có lỗi đối với việc bị cáo H sử dụng xe nâng hiệu Mitsubishi Caterpillar của Công ty H gây tai nạn nên trả lại xe nâng cho Công ty H.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Công ty Đ, Công ty H hỗ trợ bị cáo bồi thường cho gia đình anh Phạm Văn T số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Đại diện gia đình anh T đã nhận đủ số tiền trên và có đơn bãi nại cho bị cáo H, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về vấn đề khác: Đối với Công ty H đưa vào sử dụng 01 xe nâng hiệu Mitsubishi Caterpillar, không có giấy tờ, không rõ nguồn gốc không đảm bảo an toàn lao động, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đề nghị Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 128, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy H phạm tội "Vô ý làm chết người".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy H 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Huy H cho Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường An Bình trong việc giám sát giáo dục. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Huy H.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại 01 xe nâng hiệu Mitsubishi Caterpillar cho Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải dịch vụ thương mại H (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Huy H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân — Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Phi Hổ Nguyễn Thị Kim Chi — **Nguyễn Trần Trúc Thủy**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm,

danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)